

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH.

1.1 . Khái niệm

1.1.1 Khái niệm

“Bán hàng là quá trình cuối cùng trong chu kì kinh doanh. Chuyển giao quyền sở hữu và sử dụng một sản phẩm nào đó cho khách hàng và thu về tiền tương ứng với giá trị của sản phẩm, tức là chuyển hóa vốn của doanh nghiệp từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ.” (Vũ Hữu Đức, 2017)

Kế toán bán hàng là vị trí đảm nhận toàn bộ các nghiệp vụ liên quan đến quản lý hóa đơn bán hàng, bao gồm: ghi nhận hóa đơn bán hàng, ghi chép sổ doanh thu, thuế giá trị gia tăng, lập các báo cáo bán hàng và những báo cáo có liên quan khác theo yêu cầu doanh nghiệp.

“Giá vốn hàng bán là tất cả các loại chi phí liên quan đến quá trình sản xuất sản phẩm như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Hoặc nhập sản phẩm như mua hàng hóa và chi phí mua hàng.” (Vũ Hữu Đức, 2017)

Các phương thức bán hàng: bán buôn và bán lẻ.

1.1.2 Đặc điểm, phân loại

+ **Đặc điểm:**

- Có sự trao đổi mua bán, thoả thuận giữa người mua và người bán, người bán đồng ý bán, người mua đồng ý mua, họ trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền.
- Có sự thay đổi quyền sở hữu về hàng hoá: người bán mất quyền sở hữu, người mua có quyền sở hữu về hàng hoá đã mua bán.

+ **Phân loại:**

- Bán hàng qua kho, giao tại kho bên bán: quyền sở hữu hàng được chuyển giao tại kho bên bán, các chi phí phát sinh sau khi chuyển giao hàng đều do bên mua gánh chịu.
- Bán hàng qua kho, giao tại địa điểm bên mua: bên bán phụ trách vận chuyển hàng từ kho của mình giao cho bên mua. Quyền sở hữu chỉ được chuyển giao

khi bên bán đã giao hàng tại địa điểm do bên mua chỉ định, các thủ tục nhận hàng cũng được thực hiện tại đây.

- Bán hàng vận chuyển thẳng: bên bán nhận hàng từ bên cung ứng, chuyển giao thẳng cho bên mua mà không qua giai đoạn nhập kho lưu trữ.
- Bán hàng thông qua đại lý: là hoạt động thương mại, có 2 bên tham gia: bên chủ hàng và bên đại lý. Bên đại lý sẽ bán hàng hóa của chủ hàng cho khách để hưởng thù lao.
- Xuất hàng khuyến mãi, quảng cáo, làm hàng mẫu: hoạt động này nhằm giới thiệu sản phẩm mới, thúc đẩy tiêu thụ hàng, tăng doanh số.

1.1.3 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán bán hàng.

+ **Vai trò:**

- Cung cấp thông tin, số liệu bán hàng, giúp ban lãnh đạo nắm được tình hình tài chính, doanh số của công ty.
- Ghi chép các khoản chi phí bán hàng, xác định chi phí thực tế, tìm ra các giải pháp tối ưu hóa chi phí.
- Báo cáo số lượng, giá trị hàng tồn kho giúp kiểm soát tình trạng thiếu hàng hoặc bị tồn nhiều.

+ **Nhiệm vụ:**

- Kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch bán hàng.
- Cung cấp thông tin kịp thời.
- Phân phối lợi nhuận từ doanh thu bán hàng.
- Quản lý tiền hàng.

1.2 . Ý nghĩa và sự cần thiết của kế toán bán hàng

Kế toán bán hàng là một phần quan trọng của bất kỳ doanh nghiệp nào, vì nó giúp theo dõi và quản lý tất cả các giao dịch bán hàng của doanh nghiệp. Nó cung cấp cho doanh nghiệp một cái nhìn chi tiết về hoạt động kinh doanh của mình, giúp doanh nghiệp quản lý và tối ưu hóa các hoạt động kinh doanh của mình. Các mục đích chính của kế toán bán hàng bao gồm: theo dõi, quản lý các giao dịch bán hàng, tính toán lợi nhuận, lên các báo cáo, theo dõi và quản lý kho hàng, tính toán thuế. Tóm lại, kế toán bán hàng là một phần quan trọng của bất kỳ doanh nghiệp nào, vì

nó giúp doanh nghiệp quản lý và theo dõi hoạt động kinh doanh của mình một cách hiệu quả.

1.3 . Luật, nghị định, thông tư, chuẩn mực

+ **Luật:** Do Quốc hội ban hành.

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13, có hiệu lực từ 01/01/2017.
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11, có hiệu lực từ 01/01/2006.

+ **Nghị định:** Do Chính phủ ban hành.

- Nghị định 174/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật kế toán, có hiệu lực từ 01/01/2017.
- Nghị định 119/2018/NĐ-CP quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng, cung cấp dịch vụ, có hiệu lực 01/11/2018.
- Nghị định 125/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, có hiệu lực 05/12/2020.

+ **Chuẩn mực:** Do Bộ Tài chính ban hành.

- Chuẩn mực số 01: chuẩn mực chung, ban hành ngày 01/09/2021, có hiệu lực từ 01/09/2021.
- Chuẩn mực số 02: chuẩn mực hàng tồn kho, ban hành ngày 31/12/2001, có hiệu lực từ 01/01/2003.
- Chuẩn mực số 14: doanh thu và thu nhập khác, ban hành ngày 06/07/2022, có hiệu lực từ 06/07/2022.

+ **Thông tư:**

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/12/2014, ngày hiệu lực 05/02/2015.
- Thông tư 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do Bộ Tài Chính ban hành ngày 21/03/2016, ngày hiệu lực 21/03/2016.
- Thông tư 75/2015/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung điều 128 thông tư 200/2014/TT-BTC, do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18/05/2015, ngày hiệu lực 14/07/2015.

Kết cấu tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

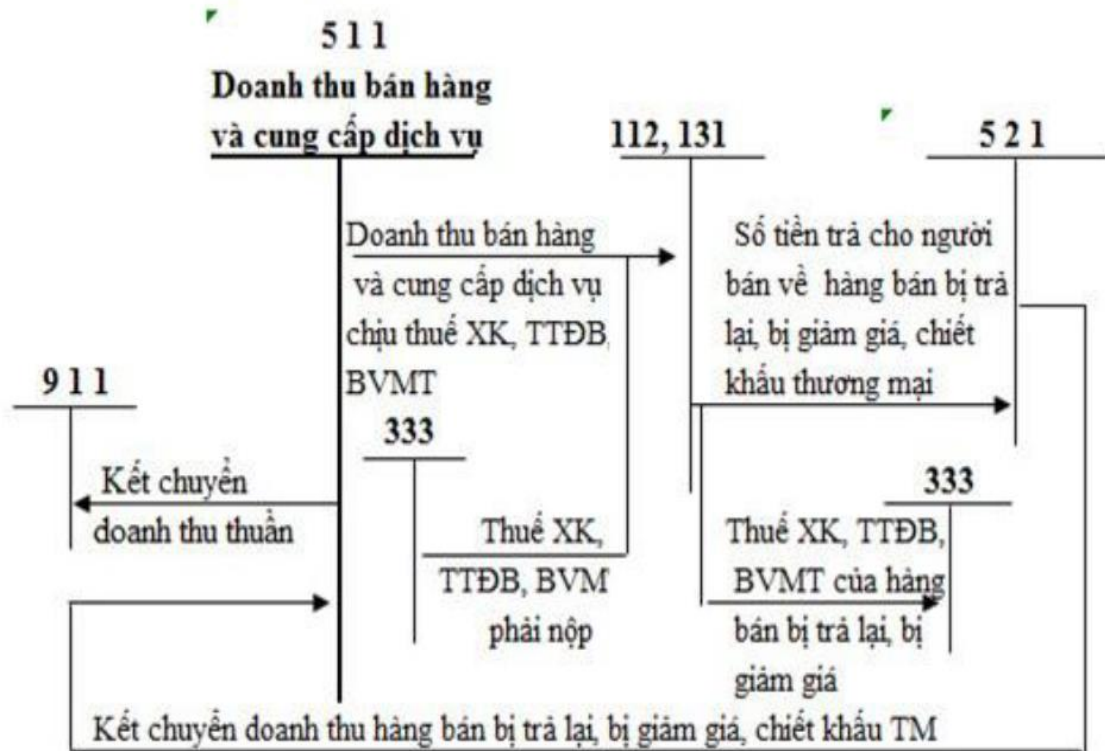
Bên Nợ:

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT);
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có: Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ tài khoản 511

(Nguồn: Tác giả vẽ theo Thông tư 200/2014/TT-BTC)

Kết cấu tài khoản 521: Các khoản giảm trừ doanh thu.

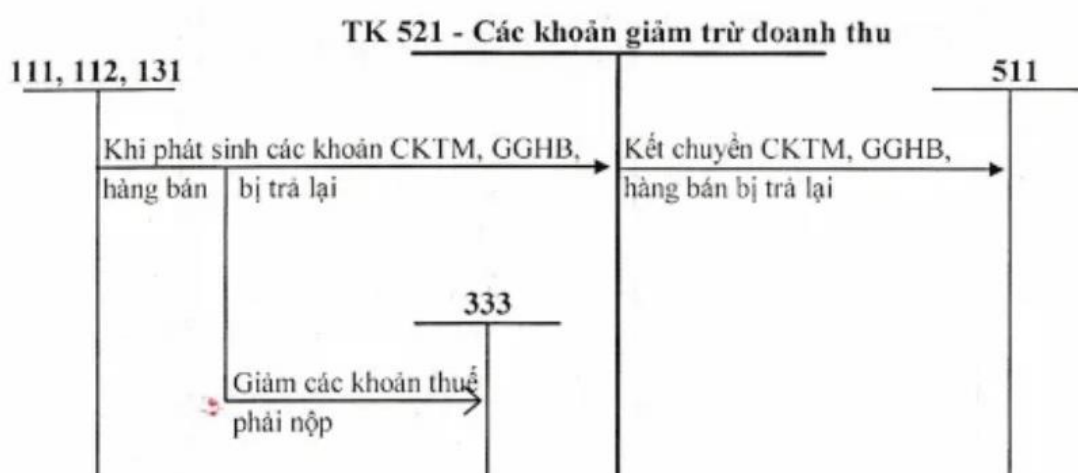
Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;
- Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng;
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán

Bên Có: Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ tài khoản 521:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ tài khoản 521

(Nguồn: Tác giả vẽ theo Thông tư 200/2014/TT-BTC)

Kết cấu tài khoản 155: Thành phẩm

Bên Nợ:

- Trị giá của thành phẩm nhập kho;
- Trị giá của thành phẩm thừa khi kiểm kê;
- Kết chuyển giá trị của thành phẩm tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

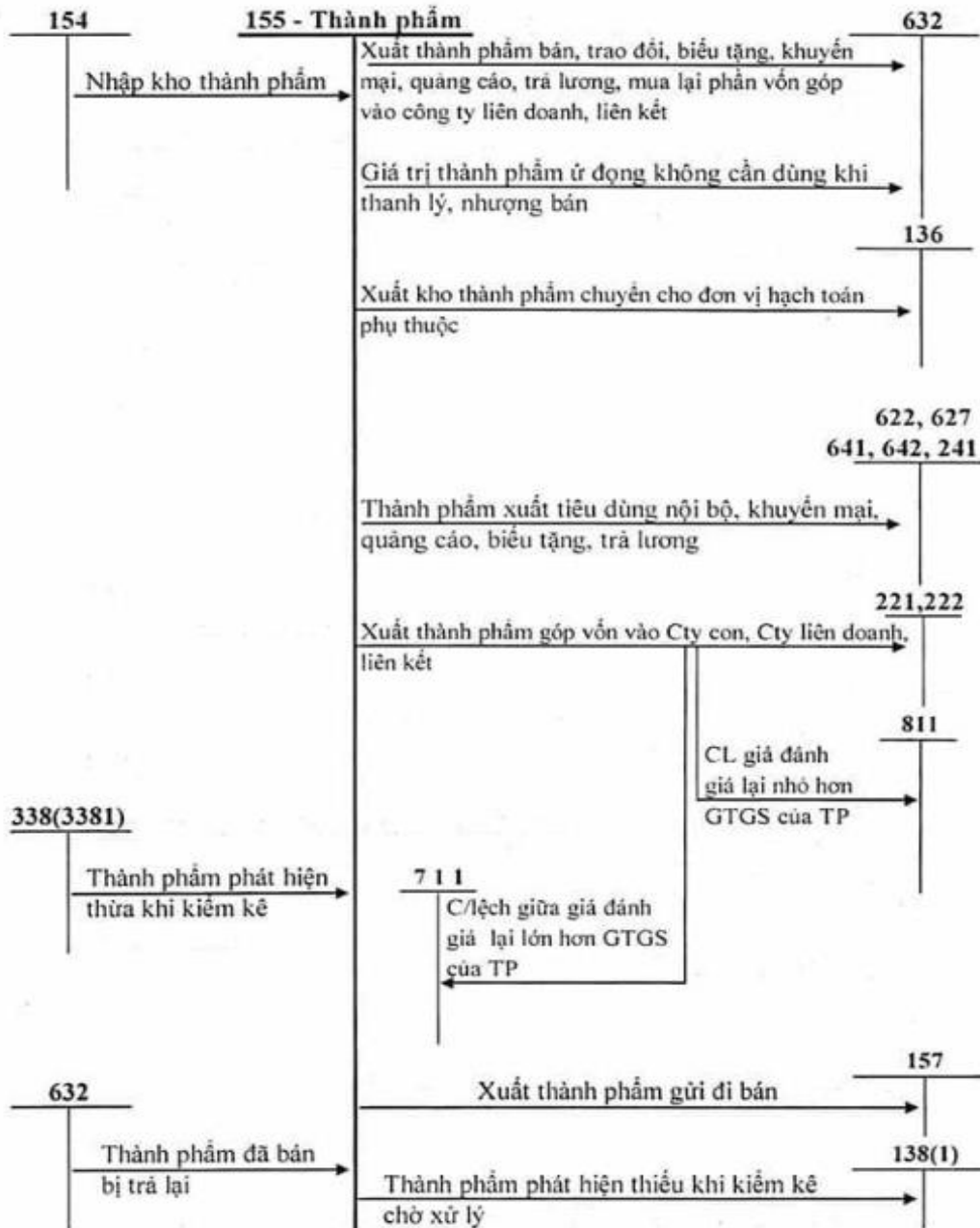
Bên Có:

- Trị giá thực tế của thành phẩm xuất kho;

- Trị giá của thành phẩm thiếu hụt khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của thành phẩm tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.

Sơ đồ tài khoản 155:



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ tài khoản 155

(Nguồn: Tác giả vẽ theo Thông tư 200/2014/TT-BTC)

Kết cấu tài khoản 632: Giá vốn hàng bán.

Bên Nợ:

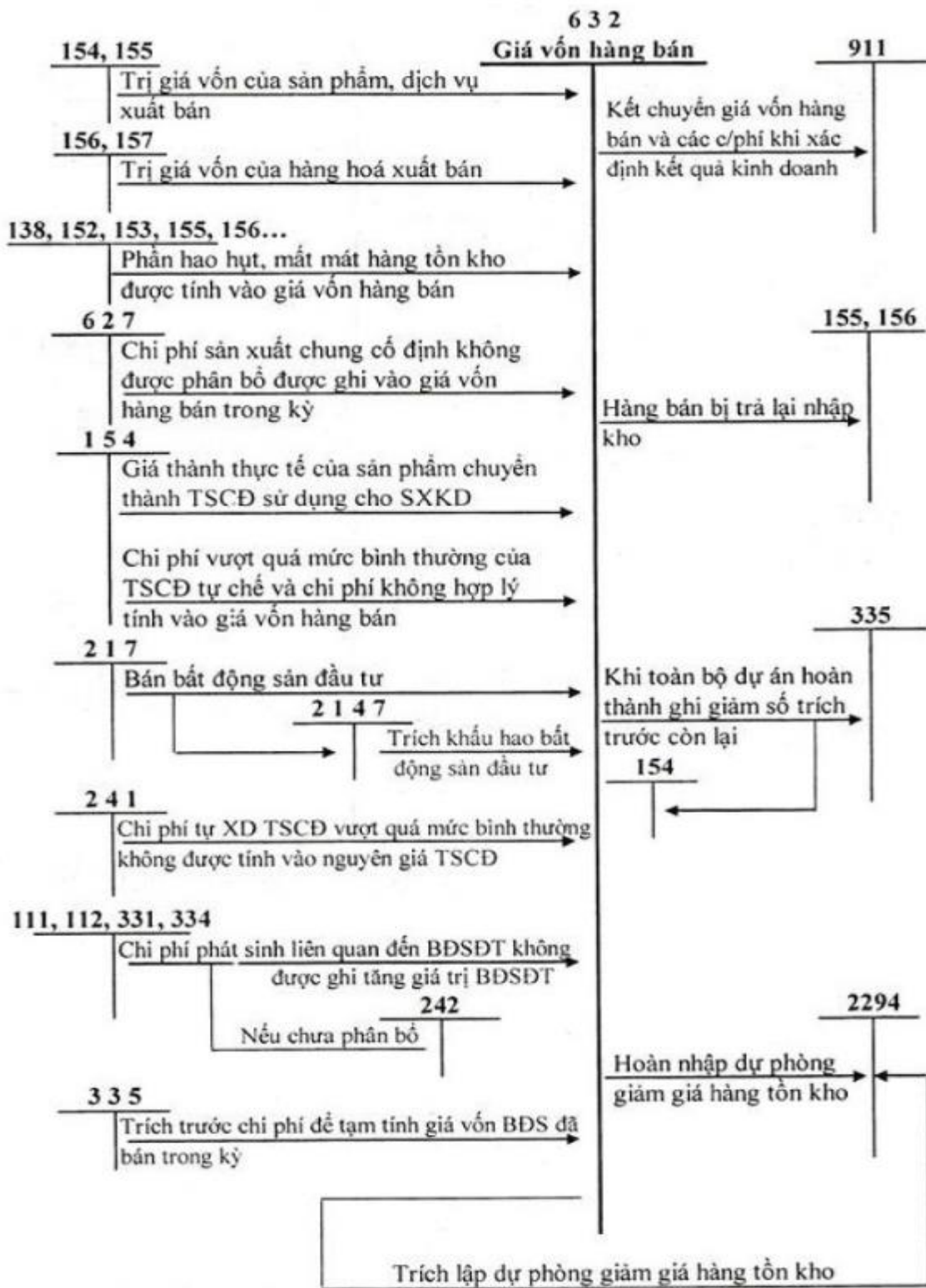
- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ tài khoản 632:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ tài khoản 632

(Nguồn: Tác giả vẽ theo Thông tư 200/2014/TT-BTC)

Kết cấu tài khoản 641: Chi phí bán hàng.

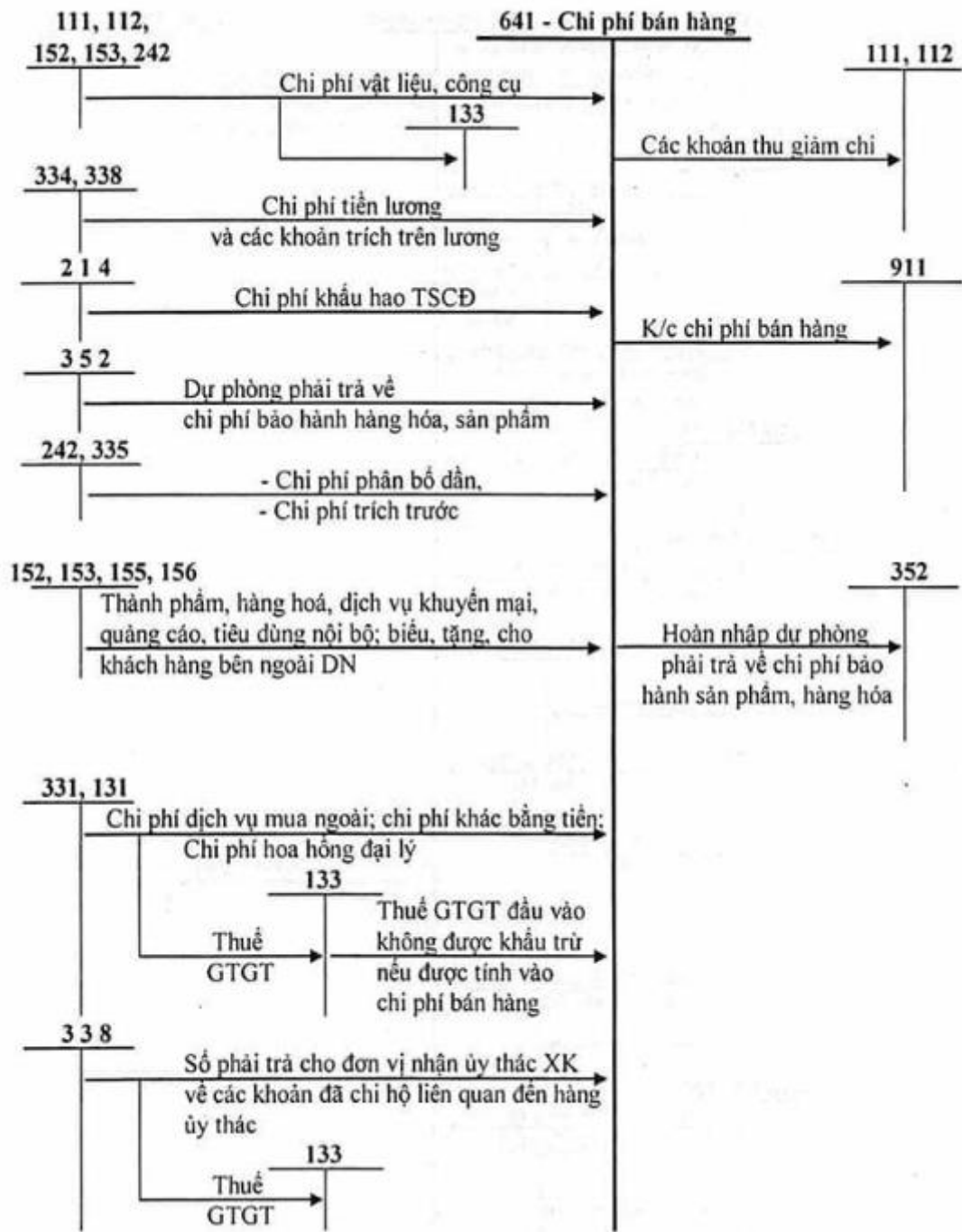
Bên Nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ;
- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ tài khoản 641:



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ tài khoản 641

(Nguồn: Tác giả vẽ theo Thông tư 200/2014/TT-BTC)

CHƯƠNG 2
THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY
TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH

2.1. Giới thiệu về công ty và tổ chức hệ thống kế toán

2.1.1 Thông tin về công ty

Bảng 2.1: Thông tin về công ty

Tên giao dịch tiếng Anh	LAM KINH TRADING MANUFACTURING COMPANY LIMITED.
Tên giao dịch tiếng Việt	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH.
Địa chỉ	90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.
Mã số thuế	0316368167
Người đại diện pháp luật	Trần Anh Việt
Ngày thành lập	08/07/2020
Vốn điều lệ	10.000.000.000 VNĐ
Số điện thoại	028 6267 8174
Email	ctylamkinh90@gmail.com
Ngành nghề kinh doanh	<ul style="list-style-type: none">– May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)– Sản xuất quần áo, mũ nón, gia công sản phẩm may.– Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.

+ Hình ảnh minh họa sản phẩm/dịch vụ:



Nón len



Nón nam 100% Polyester



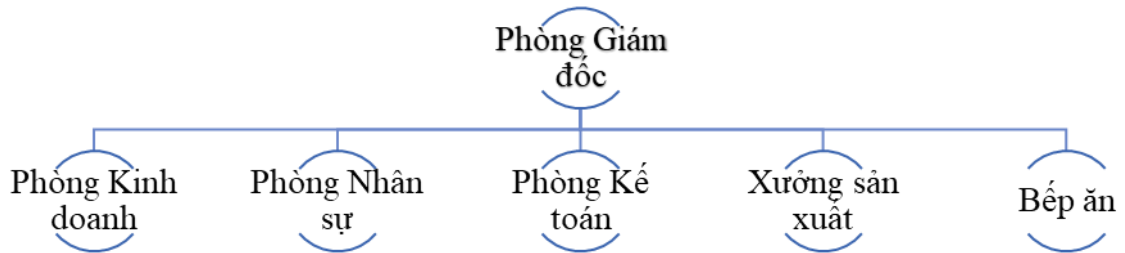
Nón nam 100% cotton



Áo nam Polo

Hình 2.1: Các sản phẩm tiêu biểu của công ty
(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lam Kinh)

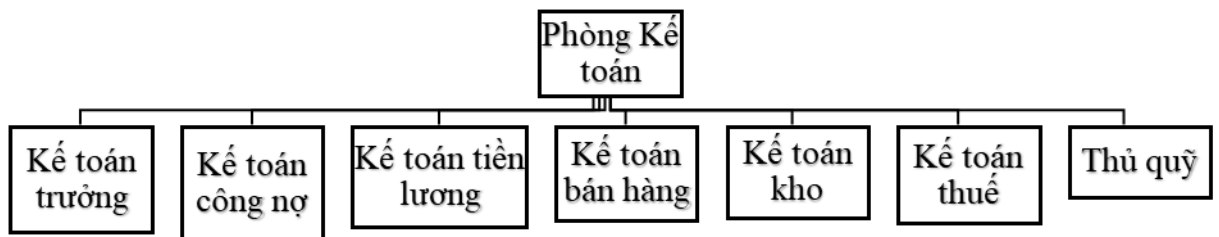
2.1.2 Sơ đồ tổ chức công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức công ty

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lam Kinh)

2.1.3 Sơ đồ tổ chức phòng kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức phòng kế toán

(Nguồn: Phòng Kế toán)

2.1.4 Công việc và nhiệm vụ của từng chức danh tại phòng kế toán

+ **Kế toán trưởng:** Đỗ Thị Bích Thủy

- Quản lý bộ phận kế toán.
- Giám sát, đánh giá, phân tích hiệu quả sử dụng vốn.
- Lập báo cáo tài chính.
- Kiểm soát hợp đồng kinh tế, thống kê tình hình hoạt động.

+ **Kế toán công nợ:** Lê Thị Thảo

- Ghi chép, theo dõi, quản lý các khoản nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán.
- Xử lý có yêu cầu thanh toán của khách hàng hoặc nhà cung cấp.
- Báo cáo kịp thời những thông tin về tình hình công nợ cho ban lãnh đạo.

+ **Kế toán tiền lương:** Nguyễn Phương Thanh

- Theo dõi chấm công hàng ngày.
- Tính lương, hạch toán lương và các khoản trích theo lương cho cán bộ công nhân viên.

+ **Kế toán bán hàng:** Phan Thị Xuân Nhi

- Tổng hợp các khoản chi phí bán hàng phát sinh.
- Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh.
- Phân phối lợi nhuận từ doanh thu bán hàng.

+ **Kế toán kho:** Trần Văn Tuấn

- Lập phiếu xuất, nhập kho. Lập báo cáo hàng tồn kho.
- Kiểm soát và theo dõi hàng hóa
- Hạch toán doanh thu, kê khai thuế.

+ **Kế toán thuế:** Nguyễn Thị Ngọc

- Thu thập các hóa đơn đầu ra, đầu vào.
- Tư vấn các vấn đề liên quan về thuế cho nhà quản lý.
- Tính toán, khai báo thuế đúng thời hạn quy định.

+ **Thủ quỹ:** Nguyễn Thị Tuyền.

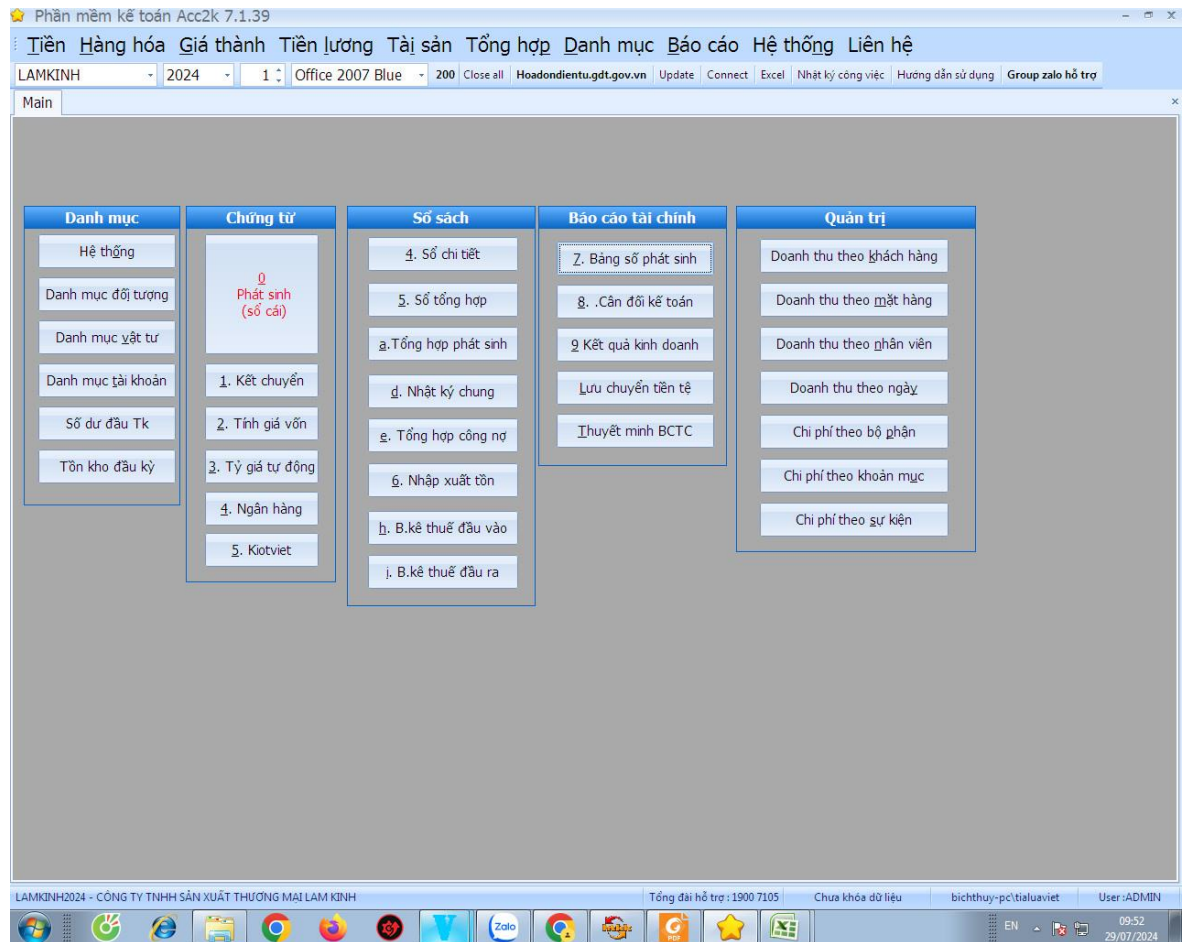
- Giao dịch thanh toán.
- Quản lý thu chi, lập kế hoạch ngân sách, kiểm soát chi phí.
- Xử lý các vấn đề về tài chính, giải quyết tranh chấp về thanh toán, tham gia lập kế hoạch tài chính.

2.2. Đặc điểm và chính sách kế toán

+**Đặc điểm:**

- Chế độ kế toán: theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.
- Hình thức sở hữu vốn: Vốn tư nhân.

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung.
- Xử lý dữ liệu kế toán bằng: Phần mềm Kế toán Acc2k, phiên bản 7.1.39.



Hình 2.2: Giao diện phần mềm kế toán Acc2k
(Nguồn: Phòng Kế toán)

+ Chính sách kế toán:

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá vật tư, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa xuất kho: Bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp tính giá thành phẩm: Theo phương pháp giản đơn.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Đánh giá sản phẩm dở dang: Theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Theo phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng.
- Chính sách bán hàng: theo đơn đặt hàng, theo hợp đồng kinh tế.
- + Về công nợ: với các đơn hàng bán lẻ trong nước, đề nghị quý khách hàng thanh toán 100% ngay sau khi nhận hàng. Với các đơn hàng bán theo hợp đồng, công nợ trong vòng 20-30 ngày.
- + Về khuyến mãi: gửi sản phẩm mẫu cho khách hàng mới. Đối với khách hàng lâu năm, gửi sản phẩm mẫu để quảng cáo.
- Chính sách giảm giá hàng bán:
- + Sản phẩm lỗi, kém chất lượng: giảm 3% trên tổng giá trị lô hàng.
- + Mẫu mã sản phẩm lỗi thời: thanh lý với giá rẻ.

2.3. Thực tế công tác kế toán bán hàng tại công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lam Kinh.

2.3.1 Yêu cầu của công việc

+ Mục đích công việc:

- Nắm bắt kịp thời và đầy đủ tất cả các số liệu, thông tin liên quan đến hoạt động bán hàng.
- Lập báo cáo tài chính.
- Kiểm soát và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động bán hàng.

+ Nhiệm vụ chính của kế toán bán hàng:

- Kiểm tra chứng từ, số lượng thực xuất, giá bán sản phẩm.
- Phân loại chứng từ theo các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Tập hợp các chứng từ liên quan như hợp đồng bán hàng, phiếu xuất kho,...

– Xuất hóa đơn bán hàng.

+ **Kết quả của công việc:**

– Lập báo cáo tài chính.

– Ghi chép, phản ánh kịp thời và chính xác tình hình bán hàng của doanh nghiệp về giá trị và số lượng hàng bán.

– Cung cấp thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho ban lãnh đạo.

+ **Các yêu cầu cho vị trí công việc:**

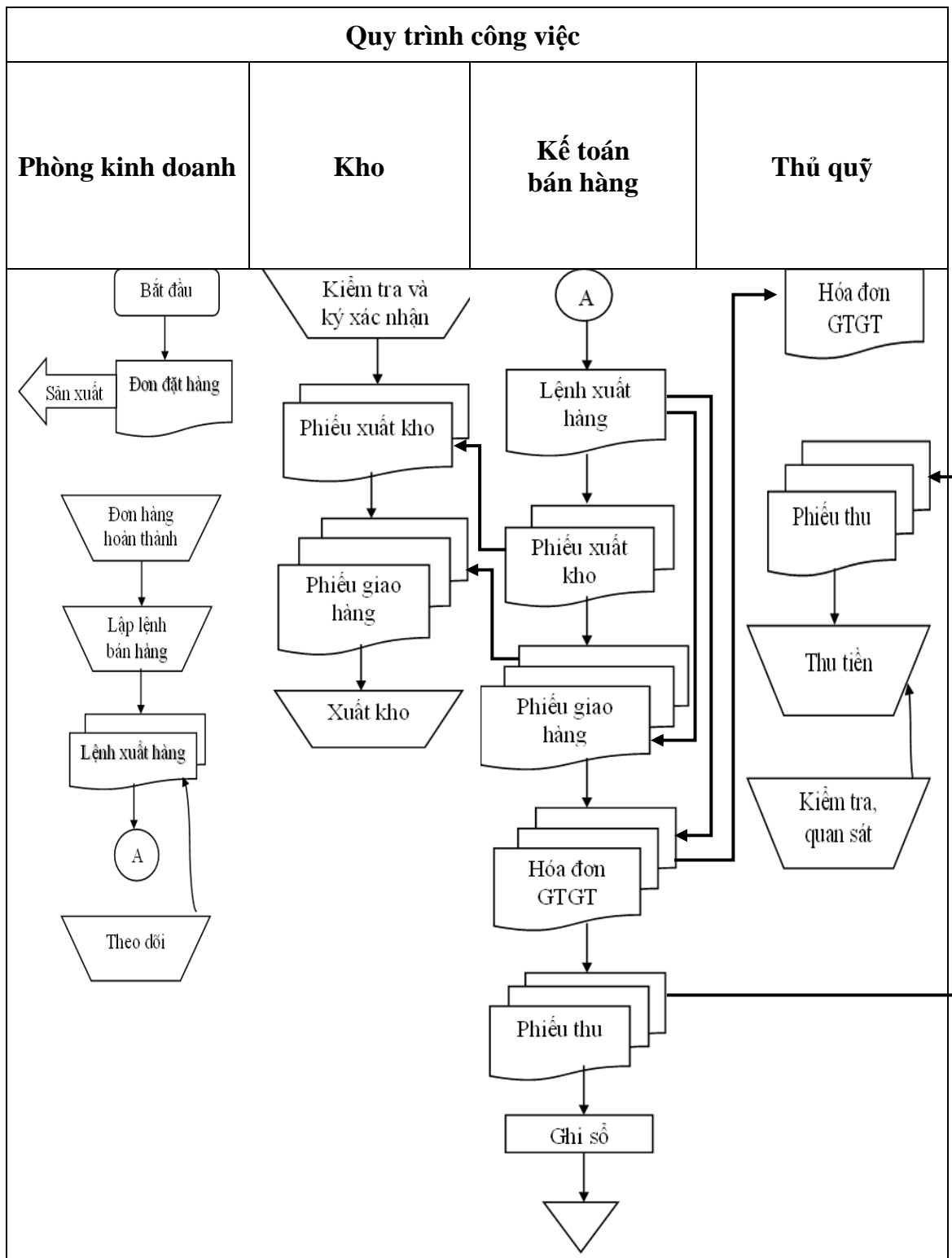
– Trình độ: yêu cầu có bằng cao đẳng hoặc đại học chuyên ngành kế toán.

– Kinh nghiệm: có kinh nghiệm ít nhất 1 năm cho từng vị trí kế toán.

– Kỹ năng: giao tiếp, soạn thảo văn bản, sử dụng thành thạo tin học văn phòng.

2.3.2 Trình tự tiến hành

+ **Lưu đồ/Sơ đồ quy trình công việc**



Lưu đồ 2.1: Lưu đồ quy trình công việc.

(Nguồn: Phòng Kế toán)

+ Diễn giải:

Bước 1: Phòng Kinh doanh tiếp nhận đơn đặt hàng, đưa đến bộ phận sản xuất.

Bước 2: Sau khi đơn hàng hoàn thành, Phòng Kinh doanh lập lệnh bán hàng và lệnh xuất hàng đưa đến kế toán bán hàng.

Bước 3: Phòng Kinh doanh thường xuyên theo dõi đơn hàng.

Bước 4: Kế toán bán hàng tiếp nhận lệnh xuất hàng, lập phiếu xuất kho, phiếu giao hàng, hóa đơn GTGT.

Bước 5: Kế toán bán hàng chuyển phiếu xuất kho và phiếu giao hàng sang bộ phận Kho.

Bước 6: Từ hóa đơn GTGT, kế toán bán hàng lập Phiếu thu và tiến hành ghi sổ.

Bước 7: Bộ phận Kho tiến hành kiểm tra, ký xác nhận phiếu xuất kho và phiếu giao hàng. Sau đó xuất hàng giao cho khách.

Bước 8: Kế toán bán hàng chuyển hóa đơn GTGT và phiếu thu sang bộ phận Thủ quỹ.

Bước 9: Bộ phận Thủ quỹ, dựa vào hóa đơn GTGT và phiếu thu tiến hành thu tiền.

Bước 10: Bộ phận Thủ quỹ thường xuyên kiểm tra, quan sát nguồn tiền về.

2.3.3 Kết quả công việc

+ Liên quan đến loại chứng từ kế toán:

- Theo đơn đặt hàng hoặc hợp đồng kinh tế.
- Phiếu xuất kho, phiếu giao hàng.
- Hóa đơn GTGT.

+ Liên quan đến bút toán:

Nghiệp vụ 1 (Phụ lục 1,3,4,6,7): Ngày 28/10/2023, xuất bán lô nón len cho công ty DK BROS. Thu tiền bằng hình thức chuyển khoản.

- o Nón len 100% acrylie SL: 580 ĐG: 1.35 (USD/cái)

Quy đổi thành VNĐ (tỷ giá hải quan ngày mở tờ khai 28/10/2023: 24.370 VNĐ/USD)

- o Nón len 100% acrylie SL: 580 ĐG: 32.899,5 (VNĐ/cái)

Thuế GTGT 0%, theo hóa đơn số 1236, ký hiệu 1C23TLK, ngày 28/10/2023.

Hạch toán nghiệp vụ 1:

Giá vốn

Nợ TK 632: 12.714.614 (580*21.921,75)



Có TK155_NLEN1: 12.714.614

Doanh thu

Nợ TK 131_DK: 19.081.710

Có TK 511: 19.081.710

Hóa đơn nghiệp vụ 1:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)		Ký hiệu (Serial):	1C23TLK		
Ngày (Date) 28 tháng (month) 10 năm (year) 2023		Số (No.):	1236		
Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH					
Mã số thuế (Tax code): 0316368167					
Địa chỉ (Address): 90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam					
Họ tên người mua hàng (Buyer):		Đơn vị tiền tệ (Currency): VND			
Tên đơn vị (Company's name): DK BROS					
Mã số thuế (Tax code):					
Địa chỉ (Address): 6220 AUGUS DRIVE, SUITE 106, RALEIGH, NC 27617 USA					
Số tài khoản (A/C number):					
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	NÓN LEN. TK 305933290150 (28/10/2023). (580 CÁI x 1.35 USD). TG: 24.370 VNĐ	CÁI	580	32.899,5	19.081.710
2	TONG: 783 USD				
Tỷ giá (Exchange rate):		Cộng tiền hàng (Total amount):		19.081.710	
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):		0	
		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		19.081.710	
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười chín triệu không trăm tám mươi một nghìn bảy trăm mười đồng.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
					
Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): 0059FB639A6D5A4C03919A594A67BBDACD					
Trang tra cứu: http://0316368167hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: B6J3E8g3042543298224516					
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Hình 2.3: Hóa đơn GTGT số 1236.

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Nghiệp vụ 2 (Phụ lục 1,3,4,6,7): Ngày 30/10/2023, xuất bán lô hàng áo nam cho công ty DK BROS. Thu tiền bằng hình thức chuyển khoản.

- Áo nam Polo 100% SL: 270 ĐG: 2.9 (USD/cái)
polyester

Quy đổi thành VNĐ (tỷ giá hải quan ngày mở tờ khai 30/10/2023: 24.420 VNĐ/USD)

- Áo nam Polo 100% SL: 270 ĐG: 70.818 (VNĐ/cái)
polyester

Thuế GTGT 0%, theo hóa đơn số 1242, ký hiệu 1C23TLK, ngày 30/10/2023.

Hạch toán nghiệp vụ 2:

Giá vốn

Nợ TK 632: 9.456.561 (270*35.024)



Có TK 155_AO02: 9.456.561

Doanh thu

Nợ TK 131_DK: 19.120.860

Có TK 511: 19.120.860

Hóa đơn nghiệp vụ 2:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)					
Ngày (Date) 30 tháng (month) 10 năm (year) 2023				Ký hiệu (Serial): 1C23TLK	
Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH					
Mã số thuế (Tax code): 0316368167					
Địa chỉ (Address): 90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam					
Họ tên người mua hàng (Buyer):					
Tên đơn vị (Company's name): DK BROS					
Mã số thuế (Tax code):					
Địa chỉ (Address): 6220 AUGUS DRIVE, SUITE 106, RALEIGH, NC 27617 USA					
Số tài khoản (A/C number):					
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản				Đơn vị tiền tệ (Currency): VND	
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	ÁO NAM. TK 305936315810 (30/10/2023). (270 CÁI x 2.9 USD). TG: 24.420 VNĐ	CÁI	270	70.818	19.120.860
2	TONG: 783 USD				
Tỷ giá (Exchange rate):				Cộng tiền hàng (Total amount): 19.120.860	
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%				Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0	
				Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 19.120.860	
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười chín triệu một trăm hai mươi nghìn tám trăm sáu mươi đồng.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			 Ký bởi: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH Ký ngày: 31- 10- 2023		
Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): 002E5AFC5081F6421B8CDBBD637D0A4C62					
Trang tra cứu: http://0316368167hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: E6r3e8g3043467076341769					
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 1242.

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Hóa đơn nghiệp vụ 3:


HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 11 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1C23TLK

Số (No.): 1304



Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH
 Mã số thuế (Tax code): 0316368167
 Địa chỉ (Address): 90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Họ tên người mua hàng (Buyer): LARRY SHAPIRO
 Tên đơn vị (Company's name):
 Mã số thuế (Tax code):
 Địa chỉ (Address): 3 NORTH RIDGE, ARMONK, US
 Số tài khoản (A/C number):
 Hình thức thanh toán (Payment method): Không thu tiền Đơn vị tiền tệ (Currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	NÓN MẪU. TK 311121403610 (15/11/2023). (8 CAI x 3 USD). TG 24.190 VND	CAI	8	72.570	580.560
2	HÀNG KHUYẾN MÃI KHÔNG THU TIỀN				
3	TỔNG: 24 USD				
Tỷ giá (Exchange rate): Cộng tiền hàng (Total amount):					580.560
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0% Tiền thuế GTGT (VAT amount):					0
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					580.560
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Năm trăm tám mươi nghìn năm trăm sáu mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH

Ký ngày: 16-11-2023

Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): 00AB7002FBE99D477CB7A2026344A8DBDA
 Trang tra cứu: <http://0316368167hd.easynvoice.com.vn> Mã tra cứu: f6f3P8N3057324336161569
 (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Hình 2.5: Hóa đơn GTGT số 1304.

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Nghiệp vụ 4 (Phụ lục 1,3,4,6,7): Ngày 22/11/2023, xuất bán lô nón bèo cho công ty DK Bros. Thu tiền bằng hình thức chuyển khoản.

- Nón bèo 100% SL: 500 ĐG: 1.55 (USD/cái)
cotton

Quy đổi thành VNĐ (tỷ giá hải quan ngày mở tờ khai 22/11/2023: 24.115 VNĐ/USD)

- Nón bèo 100% SL: 500 ĐG: 37.378,25 (VNĐ/cái)
cotton

Thuế GTGT 0%, theo hóa đơn số 1337, ký hiệu 1C23TLK, ngày 22/11/2023.

Hạch toán nghiệp vụ 4:

Giá vốn

Nợ TK 632: 7.084.708 (500*14.169,42)

Có TK 155_NON09: 7.084.708

Doanh thu

Nợ TK 131_DK: 18.689.125

Có TK 511: 18.689.125


Hóa đơn nghiệp vụ 4:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TLK
Số (No.): 1337

Ngày (Date) 22 tháng (month) 11 năm (year) 2023

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH
Mã số thuế (Tax code): 0316368167
Địa chỉ (Address): 90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Họ tên người mua hàng (Buyer): _____
Tên đơn vị (Company's name): DK BROS
Mã số thuế (Tax code): _____
Địa chỉ (Address): 6220 AUGUS DRIVE, SUITE 106, RALEIGH, NC 27617 USA
Số tài khoản (A/C number): _____
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Đơn vị tiền tệ (Currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	
1	NÓN BÉO. TK 306008690320 (22/11/2023). (500 CÁI x 1.55 USD). TG: 24.115 VND	CÁI	500	37.378,25	18.689.125	
2	TONG: 775 USD					
Tỷ giá (Exchange rate):					Cộng tiền hàng (Total amount):	18.689.125
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount):	0
					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):	18.689.125
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười tám triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn một trăm hai mươi lăm đồng.						

Người mua hàng (Buyer)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH
Ký ngày: 23- 11- 2023

Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): 00FA9B53D7B7F245C8AD8CF3416007B187
Trang tra cứu: <http://0316368167hd.easynvoice.com.vn> Mã tra cứu: W6f3L8D3063333375297167
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Hình 2.6: Hóa đơn GTGT số 1337.

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Nghiệp vụ 5 (Phụ lục 1,3,4,6,7): Ngày 06/12/2023, xuất bán lô hàng nón cho công ty Carolina Cap. Thu tiền bằng hình thức chuyển khoản.

- Nón len 100% acrylic SL: 1.900 ĐG: 1.4 (USD/cái)

Quy đổi thành VNĐ (tỷ giá hải quan ngày mở tờ khai 06/12/2023: 24.090 VNĐ/USD)

- Nón len 100% acrylic SL: 1.900 ĐG: 33.726 (VNĐ/cái)

Thuế GTGT 0%, theo hóa đơn số 1402, ký hiệu 1C23TLK, ngày 06/12/2023.

Hạch toán nghiệp vụ 5:

Giá vốn

Nợ TK 632: 50.142.300 (1900*26.390,684)

Có TK 155_NLEN1: 50.142.300

Doanh thu

Nợ TK 131_CAP: 64.079.400

Có TK 511: 64.079.400


Hóa đơn nghiệp vụ 5:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TLK
Số (No.): 1402

Ngày (Date) 06 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH**
 Mã số thuế (Tax code): 0316368167
 Địa chỉ (Address): 90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Họ tên người mua hàng (Buyer): _____
 Tên đơn vị (Company's name): **CAROLINA CAP COMPANY**
 Mã số thuế (Tax code): _____
 Địa chỉ (Address): **1634 S. OBSERVATORY DRIVE TN 37215 USA**
 Số tài khoản (A/C number): _____
 Hình thức thanh toán (Payment method): **Chuyển khoản** Đơn vị tiền tệ (Currency): **VND**

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	NÓN LEN. TK 306049793840 (06/12/2023). (1900 CÁI x 1.4 USD). TG: 24.090 VNĐ	CÁI	1.900	33.726	64.079.400
2	TỔNG: 2660 USD				


Tỷ giá (Exchange rate):	Cộng tiền hàng (Total amount):	64.079.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%	Tiền thuế GTGT (VAT amount):	0
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		64.079.400

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): **Sáu mươi bốn triệu không trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm đồng.**

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Signature Valid

 Ký bởi: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH
Ký ngày: 07-12-2023

Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): 002181B2741F23454DB81C1C6E6055506B
 Trang tra cứu: <http://0316368167hd.easyinvoice.com.vn> Mã tra cứu: E6d3s8P3075366658373411
 (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Hình 2.7: Hóa đơn GTGT số 1402.

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Nhiệm vụ 6 (Phụ lục 1,2,5,6,7): Ngày 25/12/2023, xuất kho hàng dùng thử cho công ty TNHH Light Dust. Thu tiền bằng hình thức chuyển khoản.

- Áo nữ mẫu 2 SL: 15 ĐG: 500.000 (VNĐ/cái)
- Váy nữ mẫu 1 SL: 15 ĐG: 400.000 (VNĐ/cái)
- Áo nữ mẫu 3 SL: 10 ĐG: 350.000 (VNĐ/cái)

Thuế GTGT 8%, theo hóa đơn số 1479, ký hiệu 1C23TLK, ngày 25/12/2023.

Hạch toán nghiệp vụ 6:

Giá vốn

Nợ TK 632: 9.342.207

 Có TK 155_ANM2: 3.925.464 (15*261.697,6)

 Có TK 155_VNM1: 2.808.936 (15*187.262,4)

 Có TK 155_ANM3: 2.607.807 (10*260.780,7)

Doanh thu

Nợ TK 1111: 18.360.000

 Có TK 511: 17.000.000

 Có TK 333: 1.360.000


Hóa đơn nghiệp vụ 6:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TLK
Số (No.): 1479

Ngày (Date) 25 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH**
 Mã số thuế (Tax code): **0316368167**
 Địa chỉ (Address): **90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**




Họ tên người mua hàng (Buyer): _____
 Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH LIGHT DUST**
 Mã số thuế (Tax code): **0317587891**
 Địa chỉ (Address): **84/3 Hòa Hưng, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
 Số tài khoản (AVC number): **1111000888 Techcombank - Chi nhánh Gia Định**
 Hình thức thanh toán (Payment method): **Tiền mặt/Chuyển khoản** Đơn vị tiền tệ (Currency): **VND**

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	
1	ÁO NỮ MẪU 2	CÁI	15	500.000	7.500.000	
2	VÁY NỮ MẪU 1	CÁI	15	400.000	6.000.000	
3	ÁO NỮ MẪU 3	CÁI	10	350.000	3.500.000	
Tỷ giá (Exchange rate):					Cộng tiền hàng (Total amount):	17.000.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount):	1.360.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):						18.360.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng.						

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Signature Valid



Ký bởi: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH
Ký ngày: 25- 12- 2023

Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): **00B0674C443C4F485FBB2440F402B4E3E4**
 Trang tra cứu: <http://0316368167hd.easynvoice.com.vn> Mã tra cứu: s6A3E8v3091021326186103
 (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Hình 2.8: Hóa đơn GTGT số 1479.

(Nguồn: Phòng Kế toán)

+ Liên quan đến sổ kế toán:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái
- Sổ chi tiết các tài khoản: 131, 155, 333, 511, 632, 641.

+ Liên quan đến loại báo cáo kế toán, báo cáo thuế:

- Báo cáo doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Báo cáo công nợ phải thu.

+ Hình thức của các chứng từ, sổ kế toán của doanh nghiệp có liên quan đến công việc:

- Hình thức kế toán máy dạng ghi sổ nhật ký chung.

+ Liên quan đến công việc kế toán khác:

- Kế toán kho.
- Kế toán thuế.
- Kế toán công nợ.

+ Cách lưu trữ hồ sơ kế toán:

- Lưu trữ dạng file trong máy tính và USB.
- Các phiếu xuất kho, bộ hồ sơ xuất khẩu, hóa đơn liên quan được lưu trữ theo tháng, đóng cuốn lưu vào kho chứng từ.

2.3.4 Kiểm tra kết quả công việc

+ Người kiểm tra: Kế toán trưởng.

+ Định kỳ kiểm tra: Mỗi quý.

+ Cách thức kiểm tra:

- Kiểm tra sổ nhật ký chung, sổ cái.
- Kiểm tra báo cáo kho, hàng tồn.

2.4. Công việc khác: Xuất hóa đơn bán hàng xuất khẩu

2.4.1 Yêu cầu công việc

+ Làm công việc này để:

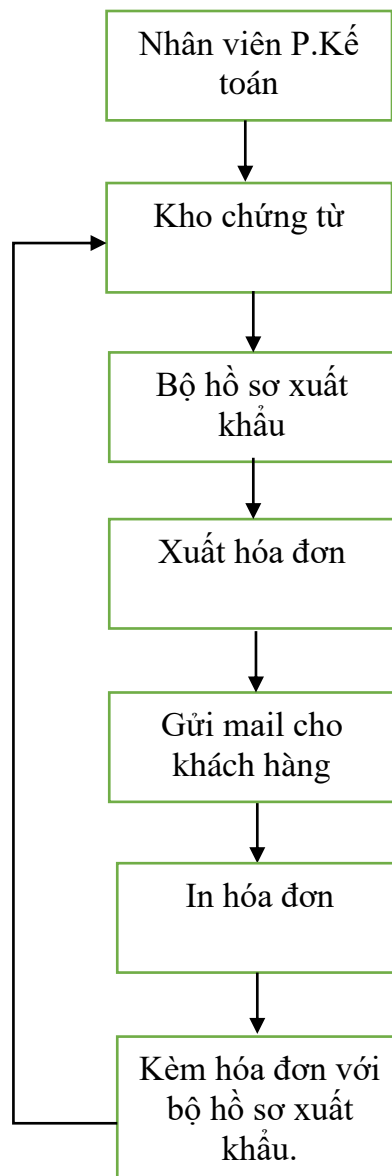
– Làm căn cứ xác định số tiền thuế cần nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ **Kết quả của công việc:**

– Thực hiện nghĩa vụ đóng thuế của doanh nghiệp đối với Nhà nước.

2.4.2 Trình tự tiến hành

+ **Lưu đồ/Sơ đồ quy trình công việc**



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ quy trình công việc xuất hóa đơn.

(Nguồn: Phòng Kế toán)

+ **Diễn giải:**

Bước 1: Nhân viên phòng Kế toán đến kho chứng từ lấy bộ hồ sơ xuất khẩu về bộ phận kế toán.

Bước 2: Dựa vào tờ khai hàng hóa xuất khẩu, tiến hành xuất hóa đơn.

Bước 3: Sau khi xuất hóa đơn, gửi mail đến khách hàng.

Bước 4: In hóa đơn, kèm chung với bộ hồ sơ xuất khẩu.

Bước 5: Đưa về kho chứng từ lưu trữ.

2.4.3 Kết quả công việc

- Thu được đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan đến xuất khẩu.
- Xác định được doanh thu, khoản thuế phải nộp cho Nhà nước.
- Quản lý được công nợ.

2.4.4 Kiểm tra kết quả công việc

- **Người kiểm tra:** Kế toán trưởng.
- **Định kỳ kiểm tra:** Mỗi tuần.
- **Cách thức kiểm tra:** Đối chiếu giữa hóa đơn và tờ khai hàng hóa xuất khẩu.

CHƯƠNG 3

NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH

3.1. Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện về công tác kế toán bán hàng tại công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lam Kinh.

3.1.1. Sự cần thiết

Khi thị trường kinh tế nước ta bắt đầu hoạt động nhộn nhịp trở lại sau khoảng thời gian ảnh hưởng của dịch Covid 19. Để tồn tại và phát triển hơn, doanh nghiệp cần phải đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bằng cách marketing nhằm tăng tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng được nhu cầu, tạo lòng tin cho khách hàng và tạo được thương hiệu mang dấu ấn cho mình trên thương trường. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần phải tổ chức tốt công tác bán hàng, giám sát chặt chẽ và đảm bảo tính hiệu quả của bộ máy kế toán bán hàng. Quản lý các chi phí hợp lý để đạt lợi nhuận tối ưu vì bán hàng là khâu cuối cùng, là khâu quan trọng quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập, được tiếp xúc và tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lam Kinh, đã giúp em hiểu rõ được sự cần thiết và tầm quan trọng của công tác kế toán bán hàng. Nó đem lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp, giúp cho doanh nghiệp quản lý, giám sát chặt chẽ hơn tình hình hàng hóa lưu thông trên thị trường, cung cấp kịp thời số liệu cho việc xác định, đánh giá kết quả bán hàng và lợi nhuận. Từ đó, Ban Giám đốc có thể lên kế hoạch cho chính sách bán hàng, chiến lược marketing phù hợp để đẩy mạnh quay vòng vốn, tránh phát sinh những rủi ro không đáng có.

Kế toán bán hàng là cũng là một mảnh ghép không thể không có trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Nó là bộ phận quan trọng, cung cấp các thông tin về tình hình tiêu thụ sản phẩm, lợi nhuận của doanh nghiệp. Giúp cho chủ doanh nghiệp đưa ra các quyết định kịp thời, hợp lý và lập được các kế hoạch mới trong tương lai. Như vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng là rất cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp.

3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện

Phải tuân thủ Pháp luật, việc tổ chức hệ thống kế toán có thể linh hoạt, sáng tạo đối với từng doanh nghiệp nhưng phải nằm trong khuôn khổ của quy định Nhà nước. Tuân theo chế độ tài chính, chế độ kế toán hiện hành như các thông tư, chuẩn mực kế toán, tài khoản sử dụng, cách lập báo cáo tài chính.

Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các quy định chính sách Nhà nước là hướng dẫn chung, nên các doanh nghiệp có thể linh hoạt vận dụng chế độ kế toán phù hợp, đảm bảo tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành, tình hình kinh doanh của doanh nghiệp theo yêu cầu của Ban Giám đốc.

Tổ chức công tác kế toán phải khoa học, đơn giản hóa nhưng phải đạt được hiệu quả tối đa. Giảm lược các phần việc mất nhiều thời gian gây ảnh hưởng đến quá trình làm việc.

Việc cung cấp thông tin phải chính xác, kịp thời, phù hợp để đảm bảo quá trình luân chuyển số liệu giữa các bộ phận có sự liên kết và liên tục.

3.2. Giải pháp

3.2.1. Giải pháp về công tác tổ chức bộ máy kế toán

Trong quá trình thực tập tại công ty công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lam Kinh, từ những tiếp xúc thực tế tại đơn vị và cũng có sự so sánh với kiến thức đã học tại trường, em xin đề xuất một số giải pháp về công tác tổ chức bộ máy kế toán như sau:

Nhân sự đa phần là những người trẻ, có nhiệt huyết với công việc, đáp ứng được nhiệm vụ, yêu cầu của Ban Giám đốc. Nhưng để am hiểu sâu hơn về chuyên môn và đạt được hiệu quả cao hơn trong công việc, doanh nghiệp nên thường xuyên tổ chức cho nhân viên tham gia các khóa tập huấn, đào tạo, hội thảo để nâng cao trình độ chuyên môn giúp cho bộ máy kế toán của công ty ngày càng tốt hơn. Bên cạnh đó, chủ doanh nghiệp cũng nên chủ động cập nhật những thay đổi của chính sách kế toán giúp điều hành bộ máy dễ dàng hơn.

Để phục vụ công việc được tốt hơn, doanh nghiệp đầu tư hơn về phần mềm kế toán. Và cũng định kì kiểm tra hệ thống máy tính, bảo dưỡng, sửa chữa máy in, máy photo, mua sắm thiết bị máy móc. Và cần phải phân rõ quyền hạn và trách nhiệm quyền hạn về dữ liệu máy tính để đảm bảo bảo mật thông tin công ty.

Để giúp công ty đảm bảo tính trung thực trong công tác kế toán, chủ doanh nghiệp có thể đưa ra những quyết định đúng đắn trong quá trình điều hành, doanh nghiệp cần phải tăng cường kiểm soát sổ sách để tránh sai sót và có hình thức xử phạt đối với các hành vi vi phạm.

3.2.2. Giải pháp về công tác kế toán bán hàng tại công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lam Kinh

Vì là doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, mỗi mặt hàng lại có nhiều mẫu mã khác nhau. Mà trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, doanh thu mỗi mặt hàng cũng khác, nhưng công ty chỉ sử dụng mỗi một TK 5112 và TK 632 để phản ánh doanh thu cũng như giá vốn hàng bán cho tất cả các mặt hàng, mà không mở TK chi tiết sử dụng cho từng mặt hàng. Vì vậy, doanh nghiệp cần mở thêm các TK chi tiết của TK 5112 và TK chi tiết của TK 632, theo dõi từng mặt hàng. Ví dụ: TK 51121: Doanh thu bán nón nam 100% cotton hoặc TK 6321: Giá vốn hàng bán nón nam 100% cotton.

Doanh nghiệp vẫn chưa có các báo cáo doanh thu cho từng mặt hàng, chưa lập dự toán doanh thu. Doanh nghiệp cần chú ý quan tâm hơn đến vấn đề quản trị tài chính, có thể tổ chức bồi dưỡng kiến thức quản trị cho nhân viên kế toán hoặc tuyển dụng thêm một kế toán quản trị. Vì kế toán quản trị giúp Ban Giám đốc nắm bắt rõ hơn về thực trạng tài chính của doanh nghiệp, giúp đưa ra các quyết định về tài chính kịp thời, chính xác và hiệu quả hơn. Từ đó, có thể lập dự toán về doanh thu, lập được các báo cáo bán hàng, báo cáo doanh thu cho từng mặt hàng theo quý, theo năm.

KẾT LUẬN

Trong thời gian thực tập, tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lam Kinh, em đã biết thêm rất nhiều kiến thức thực tiễn, củng cố thêm các kiến thức đã được học trong nhà trường. Từ đó, giúp em hiểu sâu những vấn đề lý luận, hoàn thiện hơn sự hiểu biết của mình về tổ chức công tác kế toán tại một doanh nghiệp, đặc biệt là phần hành kế toán bán hàng. Cũng như được sự giúp đỡ của các anh, chị phòng kế toán và các phòng ban có liên quan cùng với sự hướng dẫn nhiệt tình, kỹ lưỡng của giảng viên Th.S Võ Hữu Sang, em đã hoàn thiện bài khóa luận của mình.

Tuy nhiên, do kiến thức học được ở trường cũng như trên thực tế có hạn, trình độ chuyên môn còn thiếu sót nhiều nên không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp của thầy/cô trường Đại học Nguyễn Tất Thành cũng như các anh, chị phòng kế toán của công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy Võ Hữu Sang và các anh, chị phòng kế toán công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lam Kinh đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành bài khóa luận này.

PHỤ LỤC

Thứ tự	Phụ lục	Tên phụ lục	Nghiệp vụ	Trang
1	Phụ lục 1	Sổ nhật ký chung	1,2,3,4,5,6	40 - 43
2	Phụ lục 2	Sổ chi tiết TK 1121	6	43
3	Phụ lục 3	Sổ chi tiết TK 131	1,2,4,5	44
4	Phụ lục 4	Sổ chi tiết TK 1551	1,2,3,4,5,6	44 - 45
5	Phụ lục 5	Sổ chi tiết TK 333	6	45
6	Phụ lục 6	Sổ chi tiết TK 5112	1,2,3,4,5,6	45
7	Phụ lục 7	Sổ chi tiết TK 632	1,2,3,4,5,6	46
8	Phụ lục 8	Sổ chi tiết TK 6417	3	46

Phụ lục 1 (Số nhật ký chung):

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH
90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

SỐ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài Khoản	TK đối ứng	Phát sinh		Ngày HD	Số HD
	Ngày	Số				Nợ	Có		
01/10/2023	01/10/2023	PN0087	Nhập kho thành phẩm						
			Thành phẩm nhập kho - Nón nam 100% cotton	1551	154	733,658,619		01/10/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nam 100% cotton	154	1551		733,658,619	01/10/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón nam 51% cotton, 49% Polyester	1551	154	399,431,227		01/10/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nam 51% cotton, 49% Polyester	154	1551		399,431,227	01/10/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón len 100% acrylie	1551	154	67,036,704		01/10/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón len 100% acrylie	154	1551		67,036,704	01/10/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Áo nam Polo 100% Polyester	1551	154	49,384,261		01/10/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Áo nam Polo 100% Polyester	154	1551		49,384,261	01/10/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón nam 100% Polyester	1551	154	38,527,005		01/10/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nam 100% Polyester	154	1551		38,527,005	01/10/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Áo nam 100% Polyester	1551	154	29,041,201		01/10/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Áo nam 100% Polyester	154	1551		29,041,201	01/10/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón nam 98% cotton 2% spandex	1551	154	16,776,210		01/10/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nam 98% cotton 2% spandex	154	1551		16,776,210	01/10/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón bèo 100% cotton	1551	154	9,965,677		01/10/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón bèo 100% cotton	154	1551		9,965,677	01/10/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón mẫu	1551	154	1,411,851		01/10/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón mẫu	154	1551		1,411,851	01/10/2023	
28/10/2023	28/10/2023	HD1221	NÓN LEN. TK 305933290150 (28/10/2023). (580 CAI x 1.35 USD). TG: 24.370 VNĐ						
			Phải thu của khách hàng - Nón len 100% acrylie	131	5112	19,081,710		28/10/2023	1236
			Doanh thu bán các thành phẩm - Nón len 100% acrylie	5112	131		19,081,710	28/10/2023	1236
			Giá vốn hàng bán - Nón len 100% acrylie	632	1551	12,714,614		28/10/2023	1236
			Thành phẩm nhập kho - Nón len 100% acrylie	1551	632		12,714,614	28/10/2023	1236
30/10/2023	30/10/2023	HD1227	ÁO NAM. TK 305936315810 (30/10/2023). (270 CAI x 2.9 USD). TG: 24.420 VNĐ						
			Phải thu của khách hàng - Áo nam Polo 100% Polyester	131	5112	19,120,860		30/10/2023	1242
			Doanh thu bán các thành phẩm - Áo nam Polo 100% Polyester	5112	131		19,120,860	30/10/2023	1242
			Giá vốn hàng bán - Áo nam Polo 100% Polyester	632	1551	9,456,561		30/10/2023	1242
			Thành phẩm nhập kho - Áo nam Polo 100% Polyester	1551	632		9,456,561	30/10/2023	1242
01/11/2023	01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm						

			Thành phẩm nhập kho - Nón nam 100% cotton	1551	154	434,752,758		01/11/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nam 100% cotton	154	1551		434,752,758	01/11/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón nam 51% cotton , 49% Polyester	1551	154	232,860,041		01/11/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nam 51% cotton , 49% Polyester	154	1551		232,860,041	01/11/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón len 100% acrylie	1551	154	96,096,954		01/11/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón len 100% acrylie	154	1551		96,096,954	01/11/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón nam 100% Polyester	1551	154	83,923,564		01/11/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nam 100% Polyester	154	1551		83,923,564	01/11/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Áo nam Polo 100% Polyester	1551	154	64,665,091		01/11/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Áo nam Polo 100% Polyester	154	1551		64,665,091	01/11/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón nam 98% cotton 2% spandex	1551	154	14,906,712		01/11/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nam 98% cotton 2% spandex	154	1551		14,906,712	01/11/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón nữ 100% cotton	1551	154	12,004,073		01/11/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nữ 100% cotton	154	1551		12,004,073	01/11/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón nữ 100% Polyester	1551	154	8,852,778		01/11/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nữ 100% Polyester	154	1551		8,852,778	01/11/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón mùa đông 100% Polyester	15	154	7,518,729		01/11/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón mùa đông 100% Polyester	154	1551		7,518,729	01/11/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón bèo 100% cotton	1551	154	7,084,708		01/11/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón bèo 100% cotton	154	1551		7,084,708	01/11/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón bèo 100% Polyester	1551	154	6,019,018		01/11/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón bèo 100% Polyester	154	1551		6,019,018	01/11/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Bao tay golf 100% Polyester	1551	154	3,714,966		01/11/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Bao tay golf 100% Polyester	154	1551		3,714,966	01/11/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Áo nam 100% Polyester	1551	154	2,703,882		01/11/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Áo nam 100% Polyester	154	1551		2,703,882	01/11/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón mẫu	1551	154	426,205		01/11/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón mẫu	154	1551		426,205	01/11/2023	
15/11/2023	15/11/2023	HD1282	NÓN MẪU. TK 311121403610 (15/11/2023). (8 CAI x 3 USD). TG 24.190 VND						
			Giá vốn hàng bán - Nón mẫu	632	1551	227,309		15/11/2023	1304
			Thành phẩm nhập kho - Nón mẫu	1551	632		227,309	15/11/2023	1304
22/11/2023	22/11/2023	HD1315	NÓN BÈO. TK 306008690320 (22/11/2023). (500 CAI x 1.55 USD). TG: 24.115 VNĐ						
			Phải thu của khách hàng - Nón bèo 100% cotton	131	5112	18,689,125		22/11/2023	1337
			Doanh thu bán các thành phẩm - Nón bèo 100% cotton	5112	131		18,689,125	22/11/2023	1337

			Giá vốn hàng bán - Nón bèo 100% cotton	632	1551	7,084,708		22/11/2023	1337
			Thành phẩm nhập kho - Nón bèo 100% cotton	1551	632		7,084,708	22/11/2023	1337
01/12/2023	01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm						
			Thành phẩm nhập kho - Nón nam 100% cotton	1551	154	246,615,075		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nam 100% cotton	154	1551		246,615,075	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón len 100% acrylie	1551	154	205,451,475		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón len 100% acrylie	154	1551		205,451,475	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón nam 51% cotton , 49% Polyester	1551	154	111,814,276		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nam 51% cotton , 49% Polyester	154	1551		111,814,276	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Áo nam Polo 100% Polyester	1551	154	69,280,851		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Áo nam Polo 100% Polyester	154	1551		69,280,851	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón nam 100% Polyester	1551	154	68,076,691		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nam 100% Polyester	154	1551		68,076,691	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Áo gió nam 100% Polyester	1551	154	25,354,118		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Áo gió nam 100% Polyester	154	1551		25,354,118	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón tai bèo 100% cotton	1551	154	10,678,480		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón tai bèo 100% cotton	154	1551		10,678,480	01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Áo Nam mẫu 1	154	1551		9,588,666	01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Áo Nam mẫu 1	154	1551		9,588,666	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Áo Nam mẫu 1	1551	154	9,588,666		01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Áo Nam mẫu 2	1551	154	6,280,743		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Áo Nam mẫu 2	154	1551		6,280,743	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón nữ 100% Polyester	1551	154	5,330,995		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nữ 100% Polyester	154	1551		5,330,995	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Áo NAM MẪU 3	1551	154	5,215,614		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Áo NAM MẪU 3	154	1551		5,215,614	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - VÁY NỮ MẪU 1	1551	154	2,808,936		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - VÁY NỮ MẪU 1	154	1551		2,808,936	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - QUẦN NAM MẪU 3	1551	154	2,504,834		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - QUẦN NAM MẪU 3	154	1551		2,504,834	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Áo NAM MẪU 4	1551	154	2,320,969		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Áo NAM MẪU 4	154	1551		2,320,969	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Quần Nam mẫu 2	1551	154	2,254,351		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Quần Nam mẫu 2	154	1551		2,254,351	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Áo nam 100% Polyester	1551	154	2,218,324		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Áo nam 100% Polyester	154	1551		2,218,324	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Quần Nam mẫu	1551	154	1,645,173		01/12/2023	

			Thành phẩm nhập kho - Quần Nam mẫu 1	1551	154	1,645,123		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Quần Nam mẫu 1	154	1551		1,645,123	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón nữ 100% cotton	1551	154	1,248,696		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nữ 100% cotton	154	1551		1,248,696	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón mẫu	1551	154	533,347		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón mẫu	154	1551		533,347	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Mũ bóng chày	1551	154	148,810		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Mũ bóng chày	154	1551		148,810	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - Nón nam	1551	154	90,477		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Nón nam	154	1551		90,477	01/12/2023	
			Thành phẩm nhập kho - NẶP NHỰA	1551	154	13,335		01/12/2023	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - NẶP NHỰA	154	1551		13,335	01/12/2023	
06/12/2023	06/12/2023	HD1379	NÓN LEN. TK 306049793840 (06/12/2023). (1900 CÁI x 1.4 USD). TG: 24.090 VNĐ						
			Phải thu của khách hàng - Nón len 100% acrylie	131	5112	64,079,400		06/12/2023	1402
			Doanh thu bán các thành phẩm - Nón len 100% acrylie	5112	131		64,079,400	06/12/2023	1402
			Giá vốn hàng bán - Nón len 100% acrylie	632	1551	50,142,300		06/12/2023	1402
			Thành phẩm nhập kho - Nón len 100% acrylie	1551	632		50,142,300	06/12/2023	1402
25/12/2023	25/12/2023	HD1456	ÁO NỮ MẪU 2						
			Giá vốn hàng bán - Áo nữ mẫu 2	632	1551	3,925,464		25/12/2023	1479
			Thành phẩm nhập kho - Áo Nữ mẫu 2	1551	632		3,925,464	25/12/2023	1479
			Giá vốn hàng bán - VÁY NỮ MẪU 1	632	1551	2,808,936		25/12/2023	1479
			Thành phẩm nhập kho - VÁY NỮ MẪU 1	1551	632		2,808,936	25/12/2023	1479
			Giá vốn hàng bán - ÁO NỮ MẪU 3	632	1551	2,607,807		25/12/2023	1479
			Thành phẩm nhập kho - ÁO NỮ MẪU 3	1551	632		2,607,807	25/12/2023	1479
25/12/2023	25/12/2023	PT0067	ÁO NỮ MẪU 2						
			Tiền Việt Nam - ÁO NỮ MẪU 2	1111	5112	17,000,000		25/12/2023	1479
			Doanh thu bán các thành phẩm - ÁO NỮ MẪU 2	5112	1111		17,000,000	25/12/2023	1479
			Tiền Việt Nam - ÁO NỮ MẪU 2	1111	33311	1,360,000		25/12/2023	1479
			Thuế GTGT đầu ra - ÁO NỮ MẪU 2	33311	1111		1,360,000	25/12/2023	1479

Phụ lục 2 (Số chi tiết TK 111):

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH 90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam										
SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN										
Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023										
Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam										
Số chứng từ Ngày	Số	Diễn giải	TK Đối Ứng	Tỷ Giá	Phát sinh		Ngày HD	Số HD	Số dư	
					Nợ	Có			Nợ	Có
		Số dư đầu năm 1111				3.426.883.000				
		Số dư đầu kỳ 1111				2.455.274.250				2.455.274.250
25/12/2023	PT0067	Thuế VAT - ÁO NỮ MẪU 2 (CT TNHH LIGHT DUST- 1479)	33311	1	1.360.000		25/12/2023	1479		2.456.634.250
25/12/2023	PT0067	ÁO NỮ MẪU 2 (CT TNHH LIGHT DUST- 1479)	5112	1	17.000.000		25/12/2023	1479		2.473.634.250
		Cộng phát sinh trong kỳ				18.360.000		0		
		Số dư cuối kỳ 1111				2.473.634.250				

Phụ lục 3 (Số chi tiết TK 131):

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH
90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023
Tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng

Số chứng từ Ngày	Số	Diễn giải	TK Đối Ứng	Tỷ Giá	Phát sinh		Ngày HD	Số HD	Số dư		Ngoại tệ		Số dư Ngoại tệ		
					Nợ	Có			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	
		Số dư đầu năm 131				2.951.481,119									
		Số dư đầu kỳ 131		24,004		2.673.076,291				2.673,076,291		121,979,06			111,360,61
28/10/2023	HD1221	NÓN LÊN. TK 305933290150 (28/10/2023). (580 CÀI x 1.35 USD). TG: 24.370 VNĐ (DK BROS-1236)	5112	24,370		19,081,710		28/10/2023	1236			783,00			83,039,61
30/10/2023	HD1227	ÁO NAM. TK 305936315810 (30/10/2023). (270 CÀI x 2.9 USD). TG: 24.420 VNĐ (DK BROS-1242)	5112	24,420		19,120,860		30/10/2023	1242			783,00			86,511,86
22/11/2023	HD1315	NÓN BÈO. TK 306008690320 (22/11/2023). (500 CÀI x 1.55 USD). TG: 24.115 VNĐ (DK BROS-1337)	5112	24,115		18,689,125		22/11/2023	1337			775,00			79,824,91
06/12/2023	HD1379	NÓN LÊN. TK 306049793840 (06/12/2023). (1900 CÀI x 1.4 USD). TG: 24.090 VNĐ (CAROLINA CAP COMPANY- 1402)	5112	24,090		64,079,400		06/12/2023	1402			2,660,00			81,352,86
		Cộng phát sinh trong kỳ 131				120,971,096	0					5,001,00	0,00		
		Số dư cuối kỳ 131		24,309		1,979,675,625						81,352,86			

Phụ lục 4 (Số chi tiết TK 1551):

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH
90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023
Tài khoản 1551 - Thành phẩm nhập kho

Số chứng từ Ngày	Số	Diễn giải	TK Đối Ứng	Tỷ Giá	Phát sinh		Ngày HD	Số HD	Số dư	
					Nợ	Có			Nợ	Có
		Số dư đầu năm 1551				92.881,512				
		Số dư đầu kỳ 1551				99.961,703				99,961,703
01/10/2023	PN0087	Nhập kho thành phẩm	154	1	29,041,201					129,002,904
01/10/2023	PN0087	Nhập kho thành phẩm	154	1	49,384,261					178,387,165
01/10/2023	PN0087	Nhập kho thành phẩm	154	1	67,036,704					245,423,869
01/10/2023	PN0087	Nhập kho thành phẩm	154	1	1,411,851					246,835,720
01/10/2023	PN0087	Nhập kho thành phẩm	154	1	399,431,227					646,266,947
01/10/2023	PN0087	Nhập kho thành phẩm	154	1	733,658,619					1,379,925,566
01/10/2023	PN0087	Nhập kho thành phẩm	154	1	38,527,005					1,418,452,571
01/10/2023	PN0087	Nhập kho thành phẩm	154	1	16,776,210					1,435,228,781
01/10/2023	PN0087	Nhập kho thành phẩm	154	1	9,965,677					1,445,194,458
28/10/2023	HD1221	NÓN LÊN. TK 305933290150 (28/10/2023). (580 CÀI x 1.35 USD). TG: 24.370 VNĐ (DK BROS- 1236)	632	24,370				28/10/2023	1236	274,570,839
30/10/2023	HD1227	ÁO NAM. TK 305936315810 (30/10/2023). (270 CÀI x 2.9 USD). TG: 24.420 VNĐ (DK BROS- 1242)	632	24,420				30/10/2023	1242	230,938,815
01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm	154	1	2,703,882					102,160,385
01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm	154	1	64,665,091					166,825,476
01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm	154	1	3,714,966					170,540,442
01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm	154	1	96,096,954					266,637,396
01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm	154	1	426,205					267,063,601
01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm	154	1	12,004,073					279,067,674
01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm	154	1	8,852,778					287,920,452
01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm	154	1	232,860,041					520,780,493
01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm	154	1	434,752,758					955,533,251
01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm	154	1	83,923,564					1,039,456,815
01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm	154	1	14,906,712					1,054,363,527
01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm	154	1	7,084,708					1,061,448,235
01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm	154	1	6,019,018					1,067,467,253
01/11/2023	PN0099	Nhập kho thành phẩm	154	1	7,518,729					1,074,985,982
15/11/2023	HD1282	NÓN MÀU. TK 311121403610 (15/11/2023). (8 CÀI x 3 USD). TG 24.190 VNĐ (LARRY SHAPIRO- 1304)	632	1				15/11/2023	1304	697,199,111
22/11/2023	HD1315	NÓN BÈO. TK 306008690320 (22/11/2023). (500 CÀI x 1.55 USD). TG: 24.115 VNĐ (DK BROS- 1337)	632	24,115				22/11/2023	1337	456,976,122

01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	9,588,666				107,723,451	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	6,280,743				114,004,194	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	5,215,614				119,219,808	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	2,320,969				121,540,777	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	2,218,324				123,759,101	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	69,280,851				193,039,952	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	25,354,118				218,394,070	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	148,810				218,542,880	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	205,451,475				423,994,355	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	533,347				424,527,702	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	13,335				424,541,037	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	90,477				424,631,514	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	1,248,696				425,880,210	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	5,330,995				431,211,205	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	111,814,276				543,025,481	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	246,615,075				789,640,556	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	68,076,691				857,717,247	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	10,678,480				868,395,727	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	1,645,123				870,040,850	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	2,254,351				872,295,201	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	2,504,834				874,800,035	
01/12/2023	PN0113	Nhập kho thành phẩm	154	1	2,808,936				877,608,971	
06/12/2023	HD1379	NÓN LEN. TK 306049793840 (06/12/2023). (1900 CÁI x 1.4 USD). TG: 24.090 VNĐ (CAROLINA CAP COMPANY- 1402)	632			24,090	50,142,300	06/12/2023	1402	695,206,114
25/12/2023	HD1456	ÁO NỮ MÀU 2 (CT TNHH LIGHT DUST- 1479)	632	1			3,925,464	25/12/2023	1479	140,704,217
25/12/2023	HD1456	ÁO NỮ MÀU 2 (CT TNHH LIGHT DUST- 1479)	632	1			2,808,936	25/12/2023	1479	137,895,281
25/12/2023	HD1456	ÁO NỮ MÀU 2 (CT TNHH LIGHT DUST- 1479)	632	1			2,607,807	25/12/2023	1479	135,287,474
		Cộng phát sinh trong kỳ 1551				3,100,236,420	88,967,699			
		Số dư cuối kỳ 1551								135,287,474

Phụ lục 5 (Số chi tiết TK 333):

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH										
90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam										
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN										
Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023										
Tài khoản 33311 - Thuế GTGT đầu ra										
Số chứng từ		Diễn giải	TK Đối Ứng	Tỷ Giá	Phát sinh		Ngày HD	Số HD	Số dư	
Ngày	Số				Nợ	Có			Nợ	Có
Số dư đầu kỳ 33311										
25/12/2023	PT0067	Thuế VAT - ÁO NỮ MÀU 2 (CT TNHH LIGHT DUST- 1479)	1111	1		1,360,000	25/12/2023	1479		1,360,000
31/12/2023	KS99	Kết chuyển thuế GTGT	1331	1	1,360,000					
		Cộng phát sinh trong kỳ 33311				1,360,000				1,360,000
		Số dư cuối kỳ 33311								

Phụ lục 6 (Số chi tiết TK 5112):

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH										
90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam										
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN										
Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023										
Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm										
Số chứng từ		Diễn giải	TK Đối Ứng	Tỷ Giá	Phát sinh		Ngày HD	Số HD	Số dư	
Ngày	Số				Nợ	Có			Nợ	Có
Số dư đầu kỳ 5112										
28/10/2023	HD1221	NÓN LEN. TK 305933290150 (28/10/2023). (580 CÁI x 1.35 USD). TG: 24.370 VNĐ (DK BROS- 1236)	131	24,370		19,081,710	28/10/2023	1236		2,018,837,494
30/10/2023	HD1227	ÁO NAM. TK 305936315810 (30/10/2023). (270 CÁI x 2.9 USD). TG: 24.420 VNĐ (DK BROS- 1242)	131	24,420		19,120,860	30/10/2023	1242		2,103,592,339
15/11/2023	PT0048	NÓN MẪU. TK 311121403610 (15/11/2023). (8 CÁI x 3 USD). TG 24.190 VNĐ (LARRY SHAPIRO- 1304)	6417	1		580,560	15/11/2023	1304		856,819,242
22/11/2023	HD1315	NÓN BÈO. TK 306008690320 (22/11/2023). (500 CÁI x 1.55 USD). TG: 24.115 VNĐ (DK BROS- 1337)	131	24,115		18,689,125	22/11/2023	1337		1,434,344,053
06/12/2023	HD1379	NÓN LEN. TK 306049793840 (06/12/2023). (1900 CÁI x 1.4 USD). TG: 24.090 VNĐ (CAROLINA CAP COMPANY- 1402)	131	24,090		64,079,400	06/12/2023	1402		347,236,755
25/12/2023	PT0067	ÁO NỮ MÀU 2 (CT TNHH LIGHT DUST- 1479)	1111	1		17,000,000	25/12/2023	1479		1,493,369,559
31/12/2023	KS09	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	1	1,493,369,559					
		Cộng phát sinh trong kỳ 5112				138,551,655				138,551,655
		Số dư cuối kỳ 5112								

Phụ lục 7 (Sổ chi tiết TK 632):

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH 90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam										
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN										
Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023										
Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán										
Số chứng từ Ngày	Số	Diễn giải	TK Đối Ứng	Tỷ Giá	Phát sinh		Ngày HD	Số HD	Số dư	
					Nợ	Có			Nợ	Có
Số dư đầu kỳ 632										
28/10/2023	HD1221	NÓN LEN. TK 305933290150 (28/10/2023). (580 CÁI x 1.35 USD). TG: 24.370 VNĐ (DK BROS- 1236)	1551	24,370	12,714,614		28/10/2023	1236	1,170,623,619	
30/10/2023	HD1227	ÁO NAM. TK 305936315810 (30/10/2023). (270 CÁI x 2.9 USD). TG: 24.420 VNĐ (DK BROS- 1242)	1551	24,420	9,456,561		30/10/2023	1242	1,214,255,643	
15/11/2023	HD1282	NÓN MẪU. TK 311121403610 (15/11/2023). (8 CÁI x 3 USD). TG 24.190 VNĐ (LARRY SHAPIRO- 1304)	1551	1	227,309		15/11/2023	1304	377,786,871	
22/11/2023	HD1315	NÓN BÈO. TK 306008690320 (22/11/2023). (500 CÁI x 1.55 USD). TG: 24.115 VNĐ (DK BROS- 1337)	1551	24,115	7,084,708		22/11/2023	1337	618,009,860	
06/12/2023	HD1379	NÓN LEN. TK 306049793840 (06/12/2023). (1900 CÁI x 1.4 USD). TG: 24.090 VNĐ (CAROLINA CAP COMPANY- 1402)	1551	24,090	50,142,300		06/12/2023	1402	182,402,857	
25/12/2023	HD1456	ÁO NỮ MẪU 2 (CT TNHH LIGHT DUST- 1479)	1551	1	3,925,464		25/12/2023	1479	736,904,754	
25/12/2023	HD1456	ÁO NỮ MẪU 2 (CT TNHH LIGHT DUST- 1479)	1551	1	2,808,936		25/12/2023	1479	739,713,690	
25/12/2023	HD1456	ÁO NỮ MẪU 2 (CT TNHH LIGHT DUST- 1479)	1551	1	2,607,807		25/12/2023	1479	742,321,497	
31/12/2023	KS11	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	1		742,321,497				
Cộng phát sinh trong kỳ 632						88,967,699	88,967,699			
Số dư cuối kỳ 632										

Phụ lục 8 (Sổ chi tiết 6417):

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LAM KINH 90 Nguyễn Văn Tố, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam										
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN										
Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023										
Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài										
Số chứng từ Ngày	Số	Diễn giải	TK Đối Ứng	Tỷ Giá	Phát sinh		Ngày HD	Số HD	Số dư	
					Nợ	Có			Nợ	Có
Số dư đầu kỳ										
15/11/2023	PT0048	NÓN MẪU. TK 311121403610 (15/11/2023). (8 CÁI x 3	5112	1	580,560		15/11/2023	1304	346,571,295	
31/12/2023	KS12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	1		346,571,295				
Cộng phát sinh trong kỳ 6417						580,560	580,560			
Số dư cuối kỳ										

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Tài chính (2014), Thông tư số 200/TT-BTC về “Chế độ kế toán doanh nghiệp lớn”, do Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/12/2014.
- [2]. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lam Kinh, số liệu quý 4 năm 2023.
- [3]. Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính, link: <https://mof.gov.vn/>.
- [4]. Nguyễn Thị Kim Cúc (2020), Kế toán tài chính 2, Nhà xuất bản Đại Học Kinh tế TP.HCM.
- [5]. Trung tâm thông tin thư viện Đại học Nguyễn Tất Thành, link: <https://elib.ntt.edu.vn/>.
- [6]. Vũ Hữu Đức (2017), Nguyên lý kế toán, Nhà xuất bản Hà Nội.